

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Robot công nghiệp (Điện) (228048) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Việt Khoa</i> Nguyễn Việt Khoa	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Việt Khoa</i> Nguyễn Việt Khoa	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Việt Khoa</i> Nguyễn Việt Khoa	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Việt Khoa</i> Nguyễn Việt Khoa
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150003	PHẠM HOÀNG ANH	13/10/2002	CCQ2115A			<i>Anh</i>	6,8	7,3	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121150012	BÙI LONG BẠCH	16/11/2003	CCQ2115A			<i>Bach</i>	7,5	7,8	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121150061	NGUYỄN HOÀNG CHUNG	24/03/2001	CCQ2115B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121150029	TRƯƠNG CÔNG DIÊN	02/12/2002	CCQ2115A			<i>Diên</i>	7,8	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121150051	LÊ KHÁNH DUY	14/11/2003	CCQ2115B			<i>Duy</i>	7,6	8,3	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121150057	TẠ QUANG HẢI	11/10/2002	CCQ2115B			<i>Hải</i>	7,6	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121150004	NGÔ VĂN HIỆP	26/01/2003	CCQ2115A			<i>Hiệp</i>	6,9	7,3	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121150035	NGUYỄN QUỐC HUY	28/02/2003	CCQ2115A			<i>Huy</i>	7,3	8,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121150002	VÕ NHẬT HUY	11/10/2003	CCQ2115A			<i>Huy</i>	6,9	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121150013	NGUYỄN LÊ ĐỨC HƯỚNG	13/12/2003	CCQ2115A			<i>Hướng</i>	7,3	8,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121150036	PHẠM ĐĂNG KHOA	22/07/2003	CCQ2115B			<i>Khoa</i>	6,4	7,3	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH LINH	09/07/2003	CCQ2115A			<i>Linh</i>	6,9	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2118150036	PHẠM HOÀNG LONG	04/03/2000	CCQ1815A			<i>Long</i>	6,1	6,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121150026	TRẦN BẢO LỢI	03/02/1996	CCQ2115A			<i>Loi</i>	7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121150005	HOÀNG THỊ THU MAI	13/04/2003	CCQ2115A			<i>Mai</i>	8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121150049	TRẦN DANH NHÂN	27/02/2003	CCQ2115B			<i>Nhan</i>	7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120150052	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	26/06/2001	CCQ2015B			<i>Phuc</i>	7,9	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121150016	LÃNG MINH PHƯƠNG	20/01/2003	CCQ2115A			<i>Phuong</i>	7,3	6,8	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121150038	VÕ CHIẾN THẮNG	08/04/2003	CCQ2115B			<i>Thang</i>	6,9	7,3	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121150050	NGUYỄN TRUNG TRÍ	31/12/2003	CCQ2115B			<i>Tri</i>	7,1	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

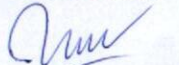
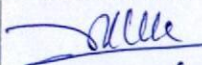
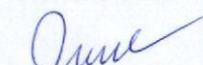
Môn học: **Robot công nghiệp (Điện) (228048) - Nhóm 01**

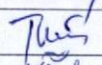
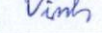
CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 22.....

Số bài thi: 22.....

Số tờ giấy thi: 22.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 Trần Xuân	 Nguyễn Việt Khoa	 Trần Xuân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120150054	BÙI MINH TUẤN	01/09/2002	CCQ2015B				8,3	9,0	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121150053	TRẦN TRUNG VĨNH	23/05/2003	CCQ2115B				6,9	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121150015	TRẦN XUÂN VŨ	27/08/2003	CCQ2115A				6,2	6,8	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9